



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư Cảng Cái Lân

Ngày 31/03/2024	3,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.7%	13.3%	41.7%

DT thuần Q1/24
10.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.28 29.7%
YoY: ▲ 0.73 8.0%

LN thuần Q1/24
0.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02 172%
YoY: ▲ 0.19 77.4%

LN sau thuế Q1/24
0.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01 3.9%
YoY: ▲ 0.23 167%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
4.2%
YoY: +/- ▼ 1.0%

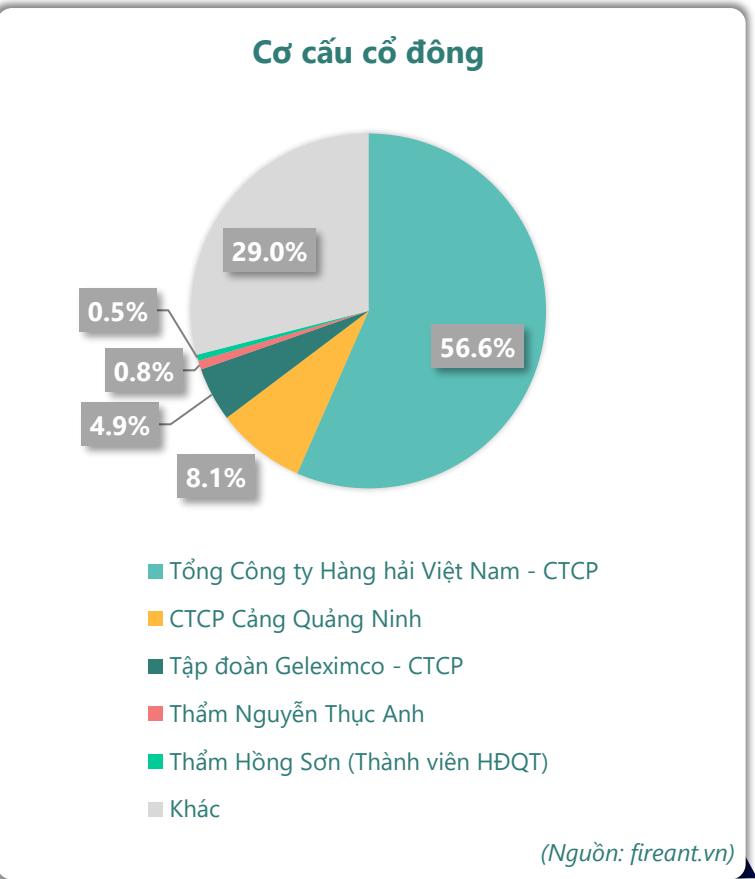
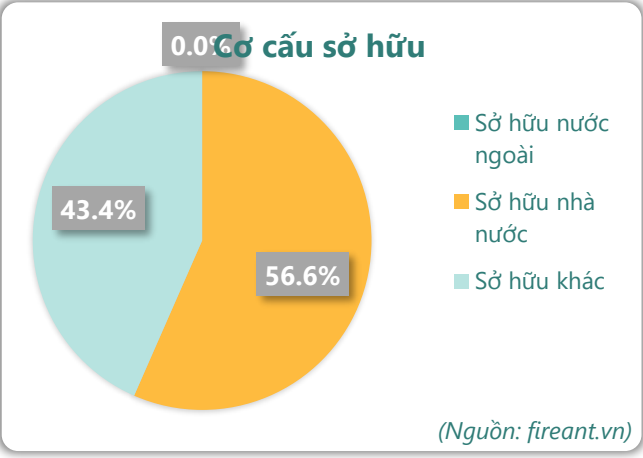
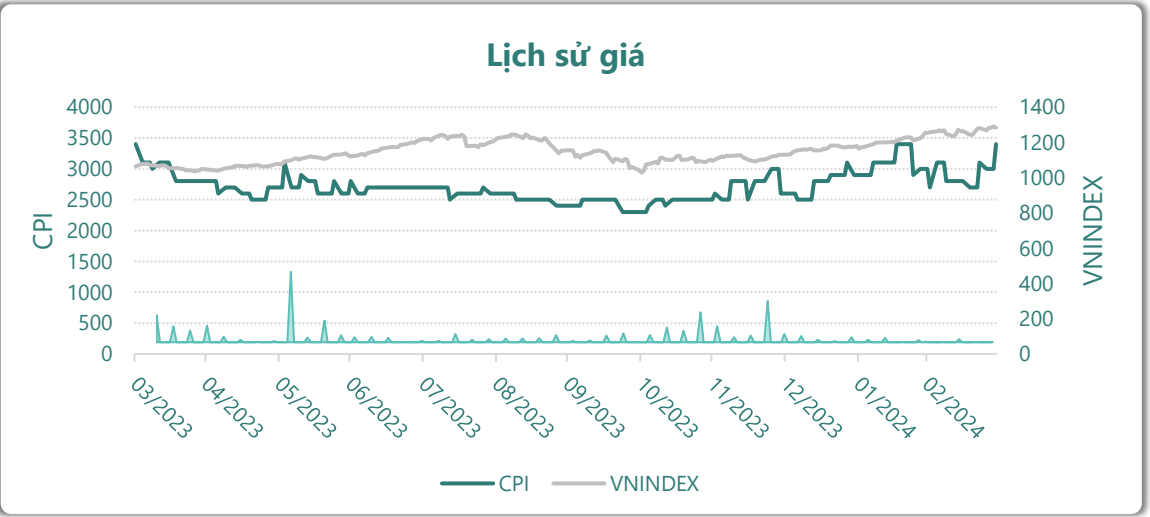
ROE (TTM) Q1/24
4.4%
YoY: +/- ▼ 1.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
Số lượng CPLH (CP)	36,505,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,990
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.25
EPS	-30
P/E	-114.8

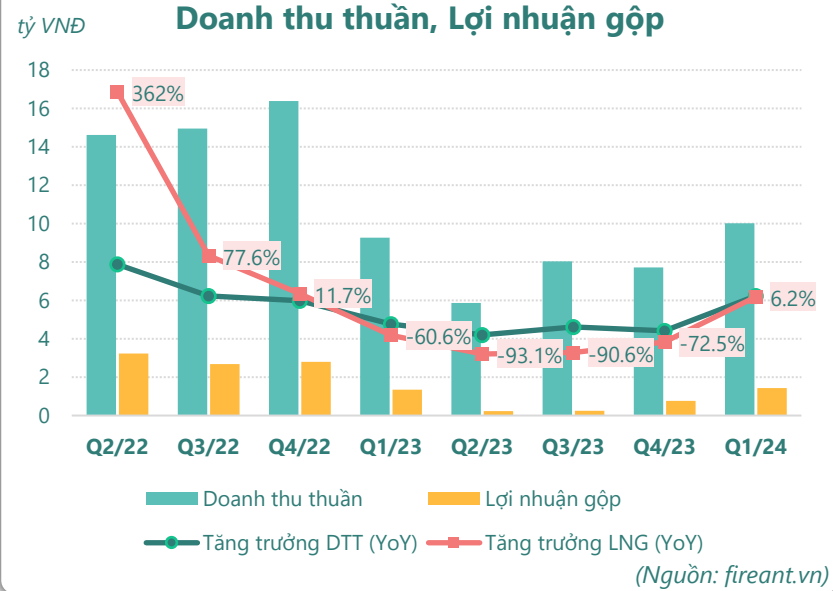
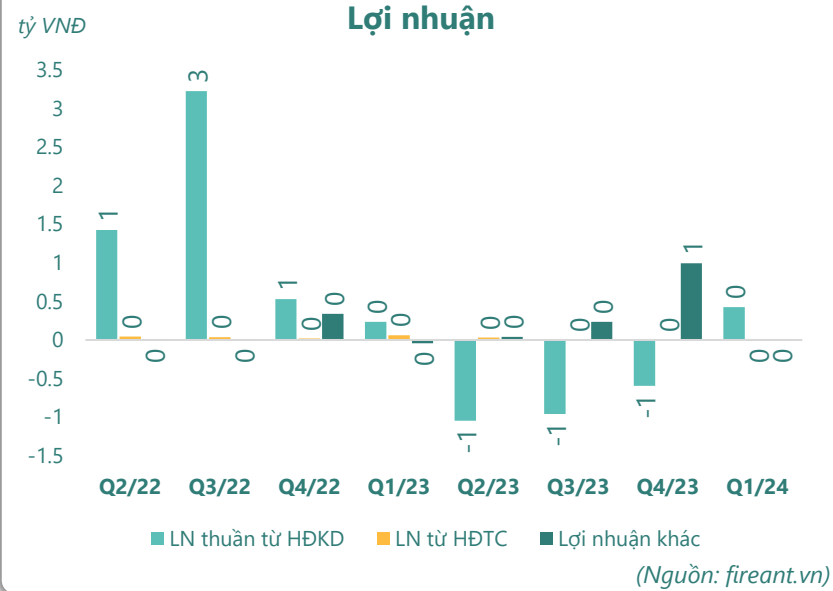
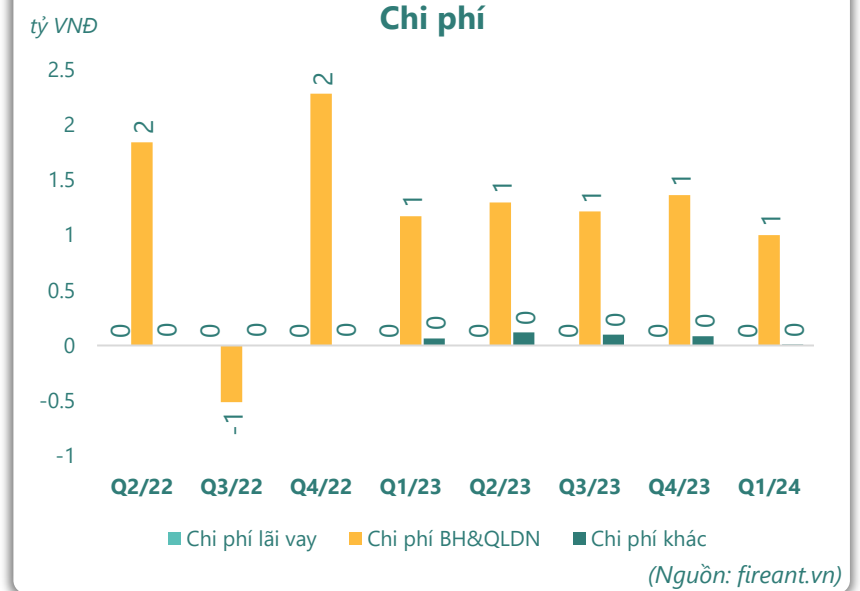
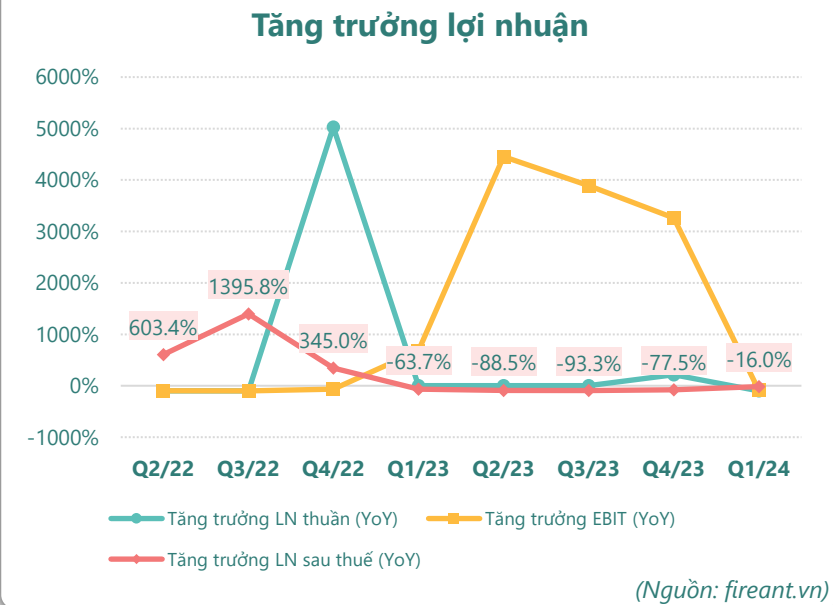
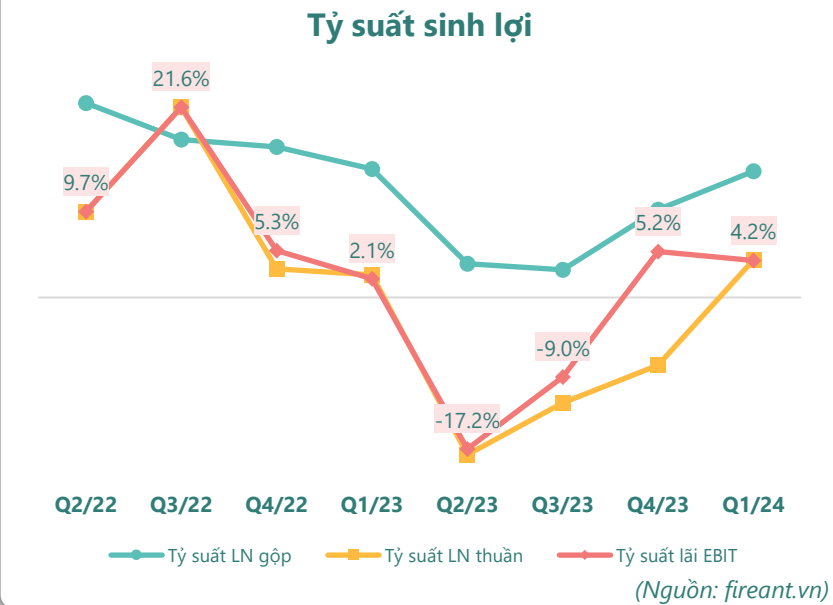
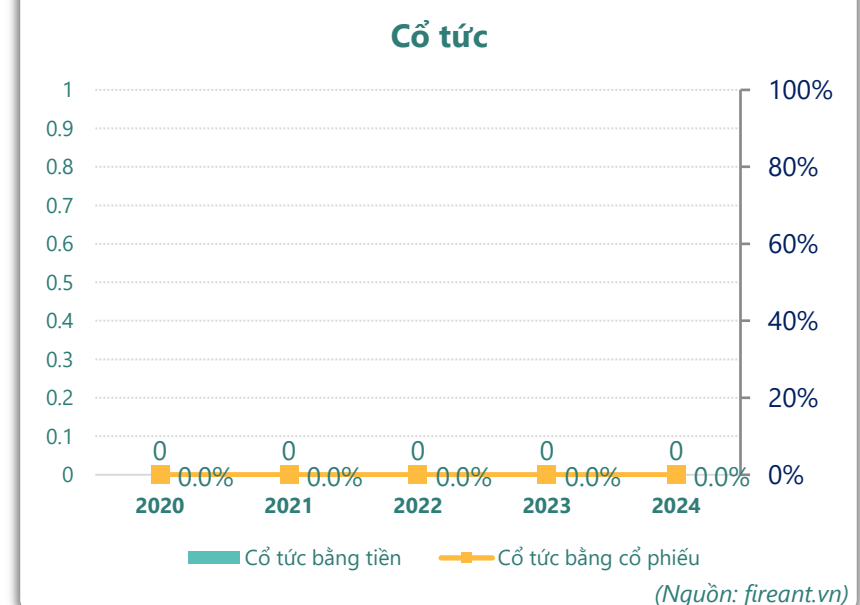
DT thuần 2023
30.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.8 -49.9%

LN thuần 2023
-2.36
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.35 -134%

LN sau thuế 2023
-1.68
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.72 -128%



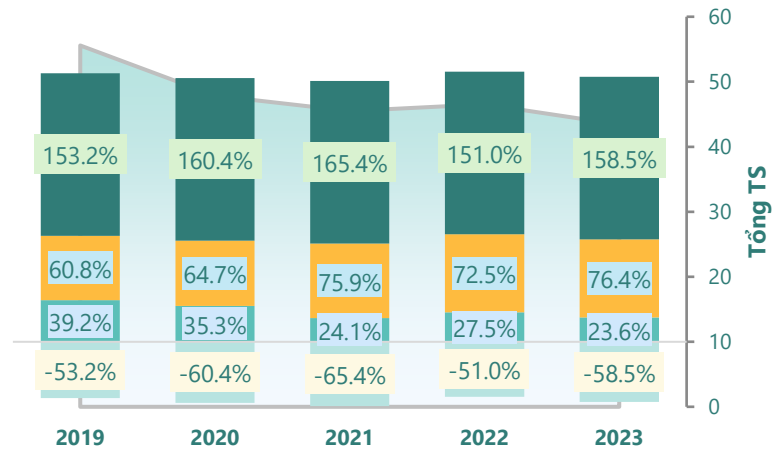
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

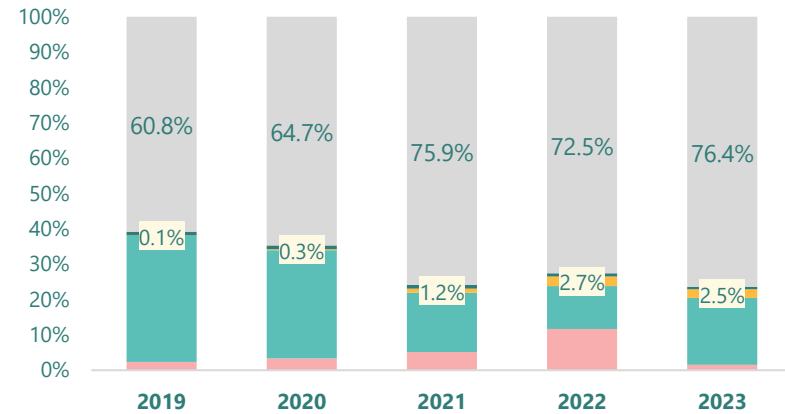
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

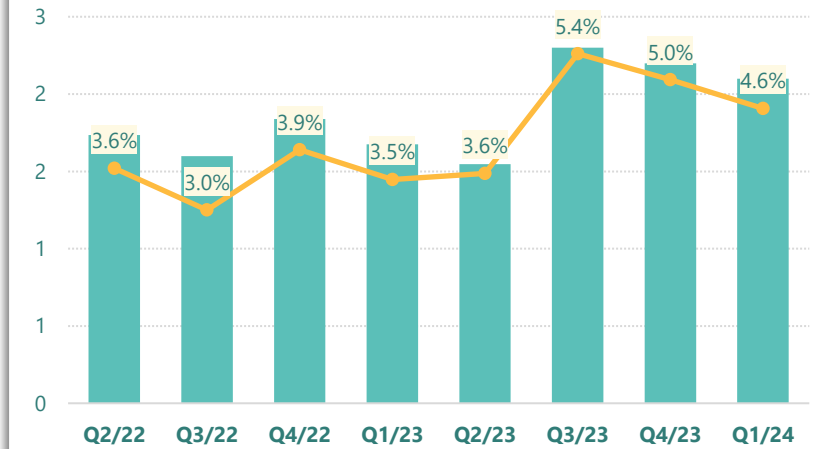


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

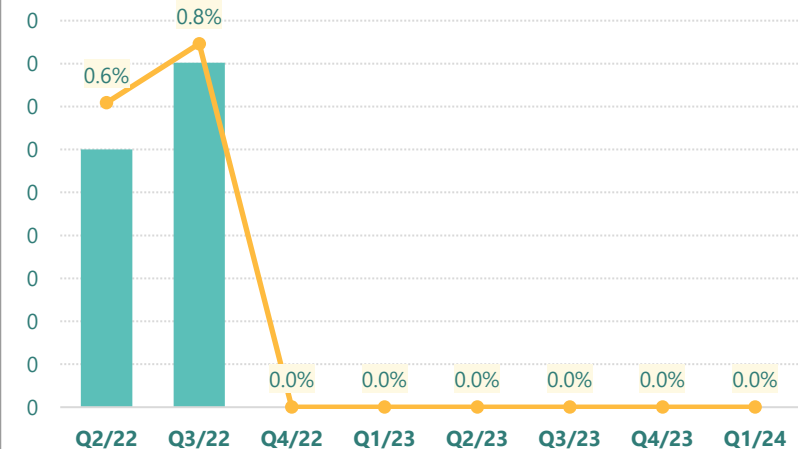


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

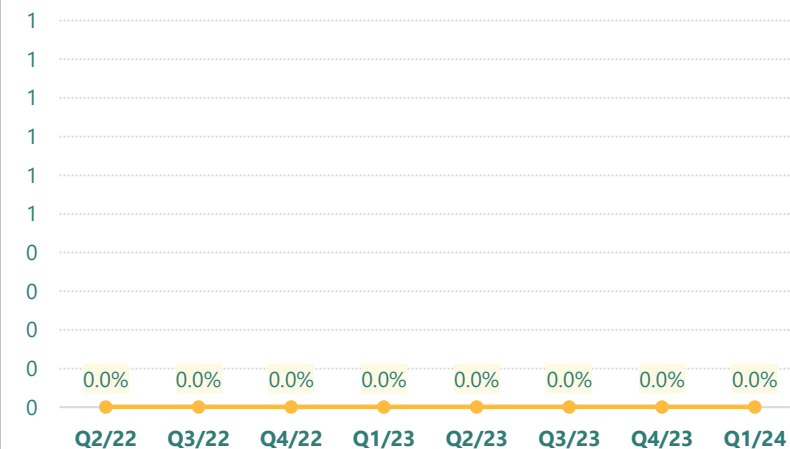


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

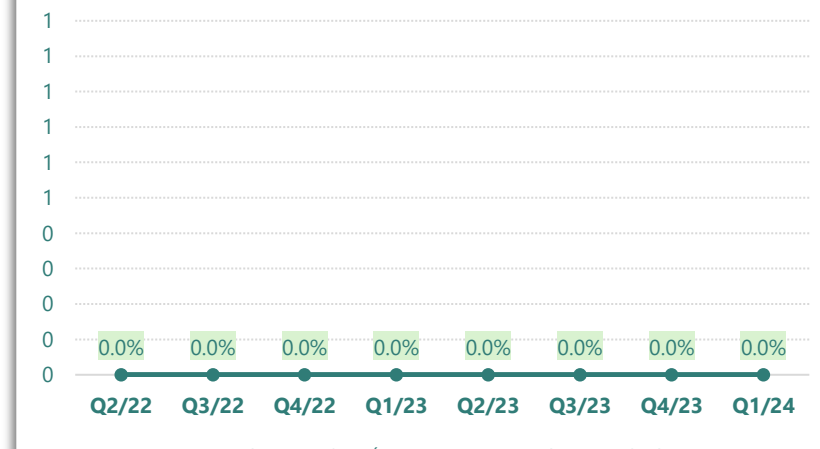


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

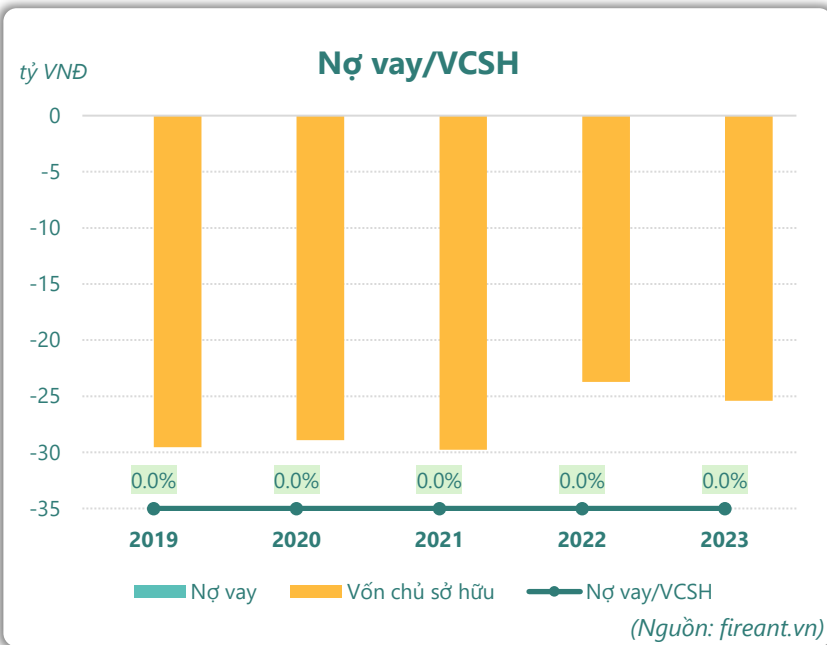
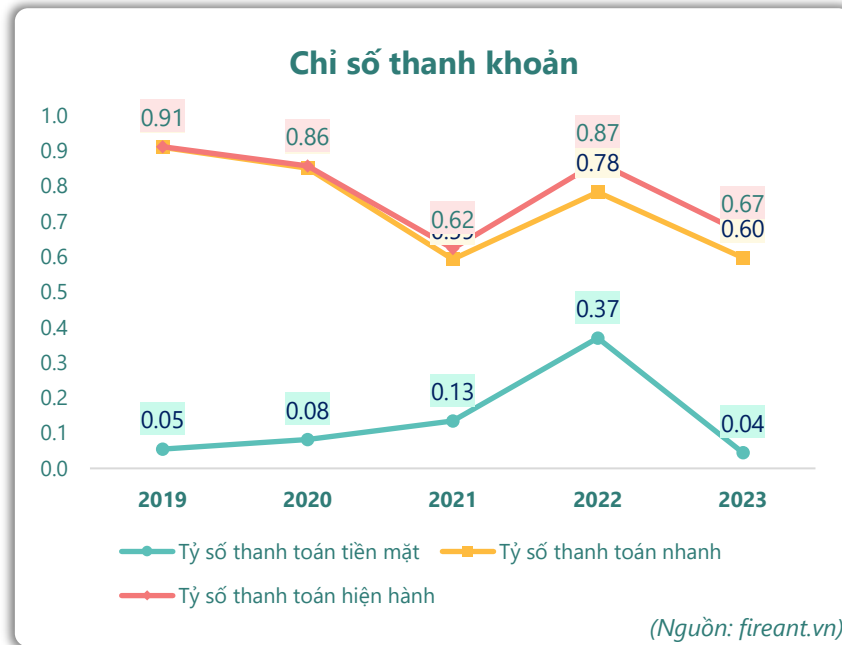
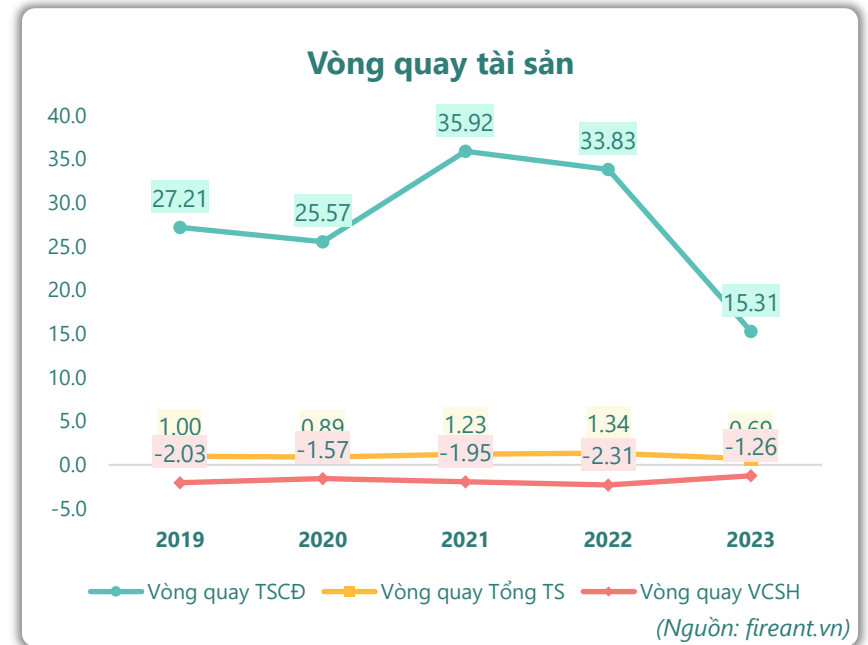
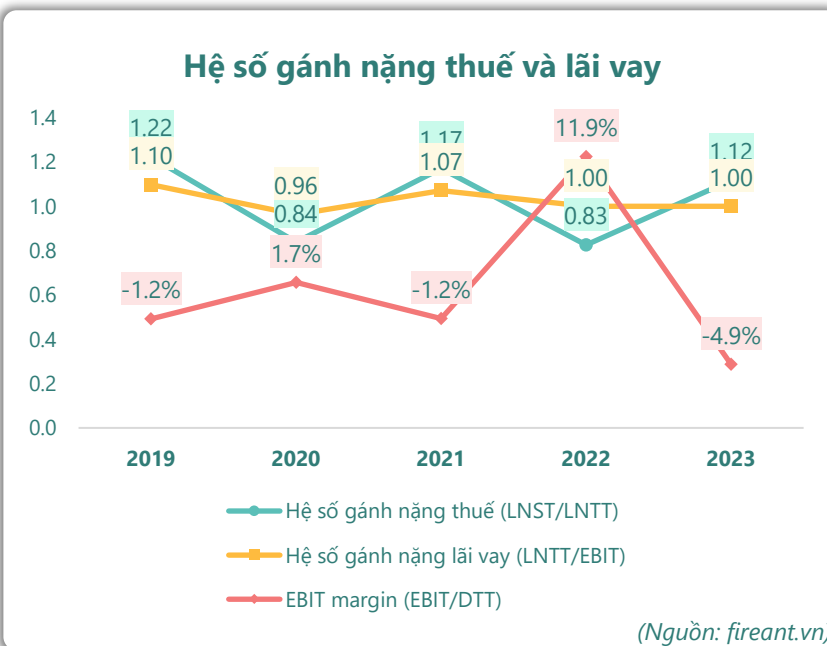
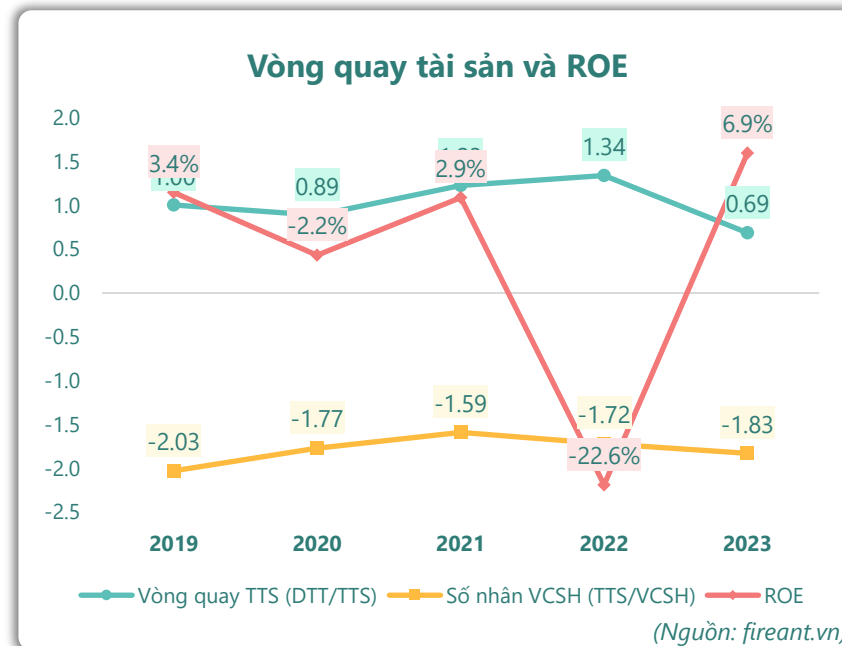
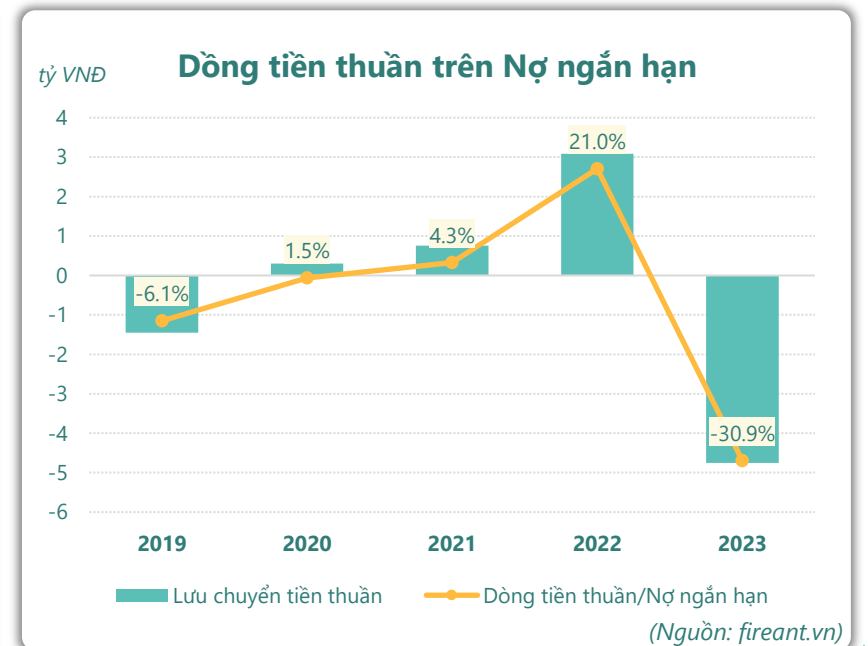


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.0	9.27	8.0%	30.9	61.7	-49.9%
Giá vốn hàng bán	8.58	7.92	8.3%	28.3	49.5	-42.9%
Lợi nhuận gộp	1.43	1.35	6.2%	2.60	12.1	-78.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.07	-99.9%	0.10	0.14	-30.3%
Chi phí TC	0.01	0.01	-18.8%	0.00	0.03	-89.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.00	1.17	-14.5%	5.05	5.26	-3.9%
LN thuần từ HĐKD	0.43	0.24	77.4%	-2.36	6.99	-134%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.04	81.2%	0.86	0.33	161%
LN trước thuế	0.42	0.20	109%	-1.51	7.31	-121%
Lợi nhuận sau thuế	0.37	0.14	167%	-1.68	6.04	-128%
LNST của CĐ cty mẹ	0.37	0.14	167%	-1.68	6.04	-128%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.99	1.29	-4.30	-1.16	-1.24	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.07	0.12	-0.94	1.41	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.38	5.44	6.79	2.62	0.52	0.68
Lưu chuyển tiền thuần	-1.95	1.36	-4.17	-2.10	0.17	-0.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.44	6.79	2.62	0.52	0.68	0.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	45.9	43.4	5.6%
Tài sản ngắn hạn	13.0	10.3	26.9%
Tiền và tương đương tiền	0.52	0.68	-24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10.4	8.18	27.4%
Hàng tồn kho	1.32	1.07	23.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	0.33	131%
Tài sản dài hạn	32.8	33.2	-1.0%
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	0.0%
Tài sản cố định	2.10	2.20	-4.6%
Bất động sản đầu tư	26.9	27.1	-0.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.15	-15.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.9	68.8	3.0%
Nợ ngắn hạn	17.9	15.4	16.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	11.7	3.2%
Nợ dài hạn	53.0	53.4	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-25.0	-25.4	1.5%
Vốn chủ sở hữu	-25.0	-25.4	1.5%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

